TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 16-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Huỳnh Văn Ái;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Thạnh và Nguyễn Văn Đâu.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thu Thảo-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 9-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 213/2025/TLST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn U, sinh năm 1989, tại tỉnh C. Nơi thường trú: Tổ 17, khu phố V1, thị trấn V2, huyện V2, tỉnh K; nơi ở: không ổn định; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (chết) và bà Trần Thị Ngọc H (chết); có vợ và 01 con sinh năm 2014; tiền án: không có; tiền sự: ngày 31/10/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng (đã chấp hành xong Quyết định ngày 07/11/2023, chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); nhân thân: ngày 24/6/2024, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng (đã chấp hành Quyết định đến ngày 06/11/2024 thì được tạm đình chỉ thi hành Quyết định do đã bỏ trốn và bị đầu thú khi bị truy nã trong vụ án này); bị tạm giữ từ ngày 04-11-2024 (tính theo Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú truy nã do Công an huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang lập lúc 19 giờ ngày 04-11-2024); tạm giam từ ngày 11-11-2024 cho đến nay "có mặt";

2. Lưu Hoàng D, sinh năm 1987, tại tỉnh S. Nơi thường trú: ấp V3, xã V4, thị xã N, tỉnh S; nơi ở: không ổn định; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Khơme; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu S1 (chết) và bà Trần Thị P; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án: không có; tiền sự: ngày 31/10/2022, bị Tòa án nhân dân

huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng (đã chấp hành xong Quyết định ngày 07/11/2023, chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính); nhân thân: ngày 24/6/2024, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng (đã chấp hành Quyết định đến hết ngày 25/8/2024 thì được tạm đình chỉ thi hành Quyết định do bị bắt tạm giam trong vụ án này); bị bắt tạm giam từ ngày 26-8-2024 cho đến nay "có mặt".

*Những người tham gia tố tụng khác:

1. Các bị hại:

1.1. Chị Lê Thị X, sinh năm 1977. Nơi thường trú: Ấp 4, xã A, huyện T1, tỉnh Đ "xin vắng mặt";

1.2. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1999. Nơi thường trú: ấp V5, xã Đ1, huyện C1, tỉnh A1; nơi cư trú hiện nay: đường L, phường T3, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

1.3. Chị Phan Thị Ngọc H1, sinh năm 1976. Nơi thường trú: đường Nguyễn Văn L1, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: đường Hồ Văn L2, Khu phố 4, phường T5, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

1.4. Anh Trần Văn C2, sinh năm 1979. Nơi thường trú: ấp A2, xã A3, huyện T5, tỉnh Đ; nơi cư trú hiện nay: đường L3, Khu phố 7, phường T5, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

1.5. Anh Tăng Hồ Thanh T6, sinh năm 2001. Nơi thường trú: ấp O, xã T7, thị xã G1, tỉnh T8 "xin vắng mặt".

2. Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Anh T2 Đình B, sinh năm 1984. Nơi thường trú: đường Trần Thanh M1, phường T7, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: đường Tây L3, phường B1, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

2.2. Anh Phạm Văn T8, sinh năm 1994. Nơi thường trú: xóm K, xã N1, thành phố V6, tỉnh N2; nơi cư trú hiện nay: đường T9, phường T5, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

2.3. Anh Đỗ Hùng S2, sinh năm 1986. Nơi thường trú và cư trú hiện nay: đường Hồ Văn L2, Khu phố 3, phường T5, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

2.4. Anh Hoàng Xuân S3, sinh năm 1995. Nơi thường trú: thôn Q, xã N3, huyện Đ1, tỉnh H2; nơi cư trú hiện nay: đường H3, phường A3, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

2.5. Anh Trịnh Anh T9, sinh năm 1991. Nơi thường trú: Tổ 7, phường Nguyễn Thái H4, thành phố Y, tỉnh Y; nơi cư trú hiện nay: đường H3, phường A3, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt";

2.6. Anh Nguyễn Ngọc M2, sinh năm 1992. Nơi thường trú: đường Nguyễn B1, phường K, thành phố N2, tỉnh N2; nơi cư trú hiện nay: đường L3, phường B2, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn U và Lưu Hoàng D quen biết nhau trong Cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh, tỉnh Bình Phước cho đến ngày 07/11/2023 thì cùng nhau chấp hành xong Quyết định trở về địa phương rồi sau đó, do cả hai không có làm nghề gì để có tiền sinh sống nên lúc U rủ D đi tìm tài sản lấy bán kiếm tiền tiêu xài thì D liền đồng ý. Khi đó, U và D đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể gồm:

Lần 1: khi Trần Văn U đi bộ trên đường L, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân tìm tài sản để lấy thì lúc khoảng 08 giờ ngày 20/01/2024: U nhìn thấy chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh-đen, biển số 54P4-2343 của chị Lê Thị X để trên bờ ruộng và không ai trông coi nên U đến bẻ khóa rồi lấy chiếc xe này (riêng cây kéo vứt bỏ lại) điều khiển chạy tẩu thoát đến Tiệm cầm đồ Thái Bình cầm cho anh T2 Đình B được 3.500.000 đồng và đã tiêu xài hết. Còn đối với anh B, tuy lúc nhận cầm xe không biết đây là tài sản do U lấy được của người khác mà có, nhưng anh tự nguyện giao nộp xe lại cho Cơ quan điều tra và theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe trên trị giá là 3.000.000 đồng. Về vật chứng: tuy chiếc xe trên đã được thu hồi, nhưng do chị X đã làm mất giấy tờ mua bán xe nên chị không yêu cầu trả chiếc xe này lại cho chị và hiện đang còn tạm giữ để xử lý. Về trách nhiệm dân sự: chị X và anh B đều không ai yêu cầu U bồi thường thiệt hại gì cho các anh, chị.

Lần 2: khi Trần Văn U và Lưu Hoàng D đi bộ trên đường tìm tài sản để lấy thì lúc khoảng 01 giờ ngày 06/3/2024: cả hai đến dãy phòng trọ-nhà số 13/12, đường L3, phường Tân Tạo, quận Bình Tân nhìn thấy có 01 chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ, biển số 67D1-7706 của anh Nguyễn Văn T2 để trước phòng, chìa khóa còn cắm trên xe và không ai trông coi. Khi đó, D đứng ngoài cảnh giới, còn U đi vào trong lấy chiếc xe này đẩy ra ngoài điều khiển chở D chạy tẩu thoát đến đưa cho tên B3 (không rõ lai lịch) thay biển số 63T1-1294 vào và vứt bỏ 67D1-7706 (không nhớ nơi vứt bỏ) rồi tên B3 chạy xe đến Tiệm cầm đồ

P1 cầm cho anh Phạm Văn T5 được 500.000 đồng và đã cùng nhau tiêu xài hết. Còn đối với T5, tuy lúc nhận cầm xe không biết đây là tài sản do lấy của người khác mà có, nhưng anh tự nguyện giao nộp xe lại cho Cơ quan điều tra và theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe của anh T2 trị giá là 4.500.000 đồng. Về vật chứng: tuy chiếc xe trên đã được thu hồi, nhưng hiện đang còn tạm giữ để xử lý. Về trách nhiệm dân sự, anh T2 chỉ yêu cầu trả lại chiếc xe trên cho anh là đủ; còn T5 không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì cho anh.

Lần 3: ngay sau khi U và D chiếm đoạt được chiếc xe của anh T2 trong vừa nêu trên, U sử dụng chiếc xe này điều khiển chở D chạy trên đường tìm tài sản để lấy tiếp thì lúc khoảng 02 giờ ngày 06/3/2024: cả hai đến trước nhà số 14/39A, đường Hồ Văn L2, Khu phố 4, phường Tân Tạo, quận Bình Tân nhìn thấy cửa nhà không khóa. Khi đó, U đứng ngoài cảnh giới, còn D đi vào trong lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G của chị Phan Thị Ngọc H1 (lúc này chị H1 đang ngủ say) rồi đi ra cùng với U tẩu thoát. Sau đó, D mang chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím đến Tiệm cầm đồ T9 K1 cầm cho anh Trần Văn T2 được 200.000 đồng và đã tiêu xài hết rồi vài ngày sau, D gặp anh Đỗ Hùng S2 tại quán nước gần nhà anh S2 thì D nói với Sơn "có 01 điện thoại OPPO F9, màu tím đang cầm cố ở Tiệm cầm đồ T9 K1 là 200.000 đồng, nếu anh S2 có nhu cầu thì anh S2 đi chuộc lại để sử dụng" và do lúc đang cần có điện thoại để sử dụng nên anh S2 đến chuộc lại chiếc điện thoại này sử dụng đến ngày 25/03/2023 giao nộp cho Công an. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G thì vào ngày 19/03/2024, U mang đến Tiệm cầm đồ X1 do anh Trịnh Anh T9 làm chủ cầm cho nhân viên là anh Hoàng Xuân S3 được 1.000.000 đồng và đã tiêu xài hết. Đối với anh T2, tuy lúc nhận cầm chiếc điện thoại di động của D không biết đây là tài sản do D lấy của người khác mà có và vì anh Đỗ Hùng S2 đã đến chuộc lại rồi nên anh T2 không có ý kiến; còn đối với anh Đỗ Hùng S2, tuy lúc chuộc chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím để sử dụng không biết đây là tài sản do D lấy của người khác mà có, nhưng anh tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại di động này cho Cơ quan điều tra xử lý; riêng anh Hoàng Xuân S3 và cả anh T9, tuy lúc nhận cầm chiếc điện thoại di động của U đều không ai biết đây là tài sản do U lấy của người khác mà có, nhưng anh T9 tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra xử lý và theo kết luận định giá tài sản thì 02 chiếc điện thoại di động của chị H1 có tổng trị giá là 4.400.000 đồng. Về vật chứng: chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G của chị H1, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chị H1. Về trách nhiệm dân sự, chị H1 đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm; còn các anh Đỗ Hùng S2 và T9 thì đều không ai yêu cầu bồi thường thiệt hại gì cho các anh.

Lần 4: khi U và D đi bộ trên đường tìm tài sản để lấy thì lúc khoảng 02 giờ ngày 19/3/2024: cả hai đến trước Bãi xe T10, đối diện nhà số 177C, đường L, Khu phố 7, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân nhìn thấy có 03 nam thanh niên vừa lấy chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 62X1-7094 của anh Trần Văn C2 đẩy ra ngoài nên U và D liền la lên *"có ăn trộm"* làm cho 03 người

này để xe lại bỏ chạy. Lúc đó, U và D cùng đến lấy chiếc xe trên đẩy ra ngoài để cho U điều khiển chở D bỏ chạy tẩu thoát rồi sau đó, U mang xe đến Tiệm cầm đồ X2 cầm cho anh Nguyễn Ngọc M2 được 2.000.000 đồng và đã cùng nhau tiêu xài hết. Còn đối với anh M2, tuy lúc nhận cầm xe của U không biết đây là tài sản do U lấy của người khác mà có, nhưng anh tự nguyện giao nộp xe lại cho Cơ quan điều tra xử lý và theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe của anh C2 trị giá là 8.500.000 đồng. Về vật chứng: chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ, biển số 62X1-7094, màu đỏ-đen của anh C2, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho anh C2. Về trách nhiệm dân sự: các anh C2 và M2 thì đều không ai yêu cầu bồi thường thiệt hại gì cho các anh.

Lần 5: khi U điều khiển xe môtô hiệu Wave (không nhớ biển số xe) chở D chạy trên đường tìm tài sản để lấy thì lúc khoảng 03 giờ 30 phút ngày 22/3/2024: cả hai đến trước dãy phòng trọ-nhà số B12/22H, Ấp 2, xã T, huyện Bình Chánh nhìn thấy có chiếc xe môtô hiệu Yamaha, loại Sirius FI, biển số 83P3-258.75 của anh Tăng Hồ Thanh T6 để trước phòng trọ và không ai trông coi. Khi đó, U dừng xe lại trước nhà đối diện, D xuống xe đến trước cổng dãy phòng trọ đứng cảnh giới, còn U xuống xe đi vào trong lấy chiếc xe của anh T6 rồi cùng với D đẩy ra ngoài đường. Sau đó, U dùng dao Thái Lan cắt dây điện xe và đấu nối lại để nổ máy, nhưng do xe vẫn không nổ máy được nên D ngồi lên xe cho U điều khiển xe môtô hiệu Wave chạy đẩy đi tẩu thoát gần đến đường Trần Đại Nghĩa thì U tiếp tục cắt, nối dây điện lại thì xe nổ máy. Lúc này, U chuyển sang đều khiển chiếc xe vừa lấy được của anh T6 chạy đi tiếp; còn D điều khiển xe môtô hiệu Wave chạy theo sau đi về. Lúc này, do U muốn sử dụng chiếc xe môtô 83P3-258.75 làm phương tiện đi lại nên nói với D là sẽ bù tiền cho D sau khi lấy được xe khác bán thì D đồng ý. Khi đó, U gỡ biển số xe 83P3-258.75 ra và thay bằng biển số xe 62L1-227.25 do tên B3 cho (bạn của U và không rõ lai lịch) rồi sử dụng cho đến khi bị phát hiện bắt giữ và theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe của anh T6 trị giá là 7.350.000 đồng. Về vật chứng: đối với chiếc xe môtô hiệu Yamaha, loại Sirius FI, biển số 83P3-258.75 của anh T6, Cơ quan điều ra đã thu hồi trả lại cho anh T6; đối với biển số xe 62L1-227.25, còn đang tạm giữ để xử lý; riêng chiếc xe môtô hiệu Wave của U, do U cho tên B3 mượn nên không thu giữ được. Về trách nhiệm dân sự, anh T6 đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, U và D đã khai nhận toàn bộ hành vi như vừa nêu trên. Các lời khai này đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án; trong đó, U đã 05 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại tại các thời điểm khác nhau với tổng trị giá 27.750.000 đồng nhằm có tiền để phục vụ sinh sống hàng ngày (mỗi lần tài sản đều trị giá trên 2.000.000 đồng); còn D 04 lần cùng với U thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của 04 bị hại tại các thời điểm khác nhau có tổng trị giá 24.750.000 đồng (tuy U và D là đồng phạm, nhưng chỉ giản đơn và không chặt chẽ nên không được coi là "Có tổ chức"). Như vậy, hành vi của U và D đã đủ yếu tố cấu thành "Tội trộm cắp tài sản", đối với U thuộc trường hợp "Có tính chất chuyên

nghiệp" theo điểm b khoản 2, còn D theo khoản 1 cùng Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng đối với các anh T2 Đình B, Phạm Văn T5, Đỗ Hùng S2, Hoàng Xuân S3, Trịnh Anh T9 và Nguyễn Ngọc M2, tuy có nhận cầm tài sản (riêng anh Đỗ Hùng S2 chuộc lại tài sản đã cầm cố) của U, D. Nhưng các anh đều không ai biết đây là tài sản do U và D phạm tội mà có nên tất cả không ai bị xử lý. Riêng đối với tên B3 là bạn của U, do không rõ lai lịch nên Cơ quan quan điều tra còn đang tiếp tục truy xét để xử lý sau.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Văn U và Lưu Hoàng D đều khai nhận: do các bị cáo không ai có làm nghề gì làm để có tiền sinh sống và mua ma túy sử dụng nên khi bị cáo U rủ bị cáo D đi tìm tài sản lấy bán kiếm tiền sinh sống thì bị cáo D liền đồng ý. Các bị cáo không ai đưa ra kế hoạch hay phân công nhiệm vụ gì trước cho nhau mà tự các bị cáo tiện đâu làm đó và trong 05 lần chiếm đoạt tài sản của người khác thì lần đầu chỉ có một mình bị cáo U thực hiện, còn 04 lần sau mới có cả 02 bị cáo, cụ thể như sau: *lần 1,* chỉ có một mình bị cáo U đi độ trên đường tìm tài sản để lấy thì nhìn thấy chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh-đen, biển số 54P4-2343 của chị Lê Thị X để trên bờ ruộng mà không ai trông coi nên bị cáo đến bẻ khóa rồi lấy chiếc xe này (riêng cây kéo vứt bỏ lại) điều khiển chạy tẩu thoát đến cầm cho anh T2 Đình B được 3.500.000 đồng và đã tiêu xài hết; còn lúc cầm xe cho anh B, bị cáo không có nói cho anh B biết đây là tài sản do bị cáo lấy được của người khác mà có. *Lần 2:* khi cả 02 bị cáo cùng đi bộ trên đường tìm tài sản để lấy thì nhìn thấy có 01 chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ, biển số 67D1-7706 của anh Nguyễn Văn T2 để trước phòng trọ, chìa khóa còn cắm trên xe và không ai trông coi. Khi đó, bị cáo D đứng ngoài cảnh giới, còn bị cáo U đi vào trong lấy chiếc xe này đẩy ra ngoài điều khiển chở bị cáo D chạy tẩu thoát đến đưa cho tên B3 (không rõ lai lịch) thay biển số 63T1-1294 vào và vứt bỏ 67D1-7706 (không nhớ nơi vứt bỏ) rồi sau đó tên B3 chạy xe đến cầm cho anh Phạm Văn T5 được 500.000 đồng và đã cùng nhau tiêu xài hết; còn lúc cầm xe cho T5, do tên B3 trực tiếp cầm nên các bị cáo không biết tên B3 nói gì với T5. *Lần 3:* ngay sau khi các bị cáo chiếm đoạt được chiếc xe trên của anh T2 xong, bị cáo U sử dụng chiếc xe này điều khiển chở bị cáo D chạy trên đường tìm tài sản để lấy tiếp thì nhìn thấy có căn nhà cửa không khóa và vắng người. Khi đó, bị cáo U đứng ngoài cảnh giới, còn bị cáo D đi vào trong lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G của chị Phan Thị Ngọc H1 (lúc này chị H1 đang ngủ say) rồi đi ra cùng với bị cáo U tẩu thoát. Sau đó, bị cáo D mang chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím đến cầm cho anh Trần Văn T2 được 200.000 đồng và đã tiêu xài hết; còn lúc cầm điện thoại cho anh T2, bị cáo D không có nói cho anh T2 biết đây là tài sản do bị cáo lấy được của người khác mà có; đồng thời, lúc gặp anh Đỗ Hùng S2 thì bị cáo D chỉ nói với anh S2 là *"có 01 điện thoại OPPO F9, màu tím đang cầm cố ở Tiệm cầm đồ T9 K1 là 200.000 đồng, nếu anh S2 có nhu cầu thì anh S2 đi chuộc lại để sử dụng"* nên anh S2 không biết gì; riêng chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G, do bị cáo U cầm cho anh Hoàng Xuân S3 được 1.000.000 đồng và đã tiêu xài hết; còn lúc cầm điện thoại cho anh S2, bị cáo U không có nói cho anh S2 biết đây là tài sản do bị cáo lấy được của người khác mà có. *Lần 4:* khi

các bị cáo đi bộ trên đường tìm tài sản để lấy bán thì nhìn thấy có 03 nam thanh niên vừa lấy chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 62X1-7094 của anh Trần Văn C2 đẩy ra ngoài nên các bị cáo liền la lên *"có ăn trộm"* làm cho 03 người này để xe lại bỏ chạy. Lúc đó, các bị cáo cùng nhau đến lấy chiếc xe này đẩy ra ngoài để cho bị cáo U điều khiển chở bị cáo D chạy tẩu thoát rồi sau đó, bị cáo U mang xe đến cầm cho anh Nguyễn Ngọc M2 được 2.000.000 đồng và đã cùng nhau tiêu xài hết; còn lúc cầm xe cho anh M2, bị cáo U không có nói cho anh M2 biết đây là tài sản do bị cáo lấy được của người khác mà có. *Lần 5:* khi bị cáo U điều khiển xe môtô hiệu Wave (không nhớ biển số) chở bị cáo D chạy trên đường tìm tài sản để lấy bán thì nhìn thấy có chiếc xe môtô hiệu Ymaha, loại Sirius FI, biển số 83P3-258.75 của anh Tăng Hồ Thanh T6 để trước phòng trọ và không ai trông coi. Khi đó, các bị cáo dừng xe lại xuống đứng cảnh giới, còn bị cáo U xuống xe đi vào trong lấy chiếc xe của anh T6 rồi cùng với bị cáo D đẩy ra ngoài ngoài đường. Sau đó, bị cáo U dùng dao Thái Lan cắt, nối dây điện và nổ được máy nên chuyển sang đều khiển chiếc xe này chạy đi; còn bị cáo D điều khiển xe môtô hiệu Wave chạy theo sau đi về. Lúc này, do bị cáo U muốn sử dụng chiếc xe môtô 83P3-258.75 làm phương tiện đi lại nên nói với bị cáo D là sẽ bù tiền cho bị cáo D khi lấy được xe khác bán thì bị cáo D đồng ý nên bị cáo U mới tháo biển số xe83P3-258.75 ra vứt bỏ và thay bằng biển số xe 62L1-22725 do tên B3 cho và sử dụng đến khi bị phát hiện bắt giữ. Vậy nay, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trang đã truy tố. Đồng thời không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản đã chiếm đoạt, trách nhiệm dân sự và việc giải quyết vật chứng.

Tại Cáo trạng số: 181/CT-VKS, ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố các bị cáo Trần Văn U và Lưu Hoàng D ra trước Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9-Thành phố Hồ Chí Minh) để xét xử về "Tội trộm cắp tài sản", đối với bị cáo U theo điểm b khoản 2, còn bị cáo D theo khoản 1 cùng Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có ý kiến: bị cáo Trần Văn U đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản là chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh-đen, biển số 54P4-2343 của chị Lê Thị X trị giá 3.000.000 đồng; đồng thời, bị cáo U còn cùng với bị cáo Lưu Hoàng D đã 04 lần hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của các bị hại khác, cụ thể như sau: *lần* 1 là chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ, biển số 67D1-7706 của anh Nguyễn Văn T2 trị giá 4.500.000 đồng; *lần* 2 là chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G của chị Phan Thị Ngọc H1 có tổng trị giá 4.400.000 đồng; *lần 3* là chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 62X1-7094 của anh Trần Văn C2 trị giá 8.500.000 đồng và *lần 4* là chiếc xe môtô hiệu Ymaha, loại Sirius FI, biển số 83P3-258.75 của anh Tăng Hồ Thanh T6 trị giá 7.350.000 đồng. Như vậy, bị cáo U đã 05 lần chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 27.750.000

đồng (mỗi lần tài sản đều có trị giá trên 2.000.000 đồng) và lấy đó làm nguồn thu nhập để sinh sống là "Có tính chất chuyên nghiệp" dùng làm tình tiết định khung hình phạt; còn bị cáo bị cáo D đã 04 lần chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 24.750.000 đồng và phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên". Trong vụ án này, các bị cáo là đồng giản đơn, bị U là người rủ bị cáo D và cả hai đều có nhân thân rất xấu nên cần phải xử các bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Do đó, giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo U với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo D với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cùng về "Tội trộm cắp tài sản". Còn về trách nhiệm dân sự, do các bị hại là chị Lê Thị X, anh Nguyễn Văn T2, chị Phan Thị Ngọc H1, anh Trần Văn C2 và anh Tăng Hồ Thanh T6 cùng với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T2 Đình B, Phạm Văn T5, Đỗ Hùng S2, Hoàng Xuân S3, Trịnh Anh T9 và Nguyễn Ngọc M2 đều không ai yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên không có ý kiến. Còn về vật chứng thì đề nghị: tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe môtô Honda Wave màu xanh biển số 54P4-2343 (do chị X không yêu cầu nhận lại); giao trả lại gồm: anh T2 01 chiếc xe Wave RS màu đỏ-đen, bị cáo U 01 cái điện thoại di động hiệu Masstel; anh Đỗ Hùng S2 01 cái điện thoại OPPO F7, màu đỏ, kiểu máy CPH1825, bộ nhớ 64GB; tiêu hủy 01 biển số 63T1-1294 (đang gắn theo xe anh T2) và 01 cái biển số xe 62L1-227.25.

Các bị cáo không ai tham gia tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố, còn lời nói sau cùng thì xin giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo Trần Văn U và Lưu Hoàng D: xét theo lời khai của 02 bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp nhau và cũng phù hợp với các lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản nhận dụng, đối chất; biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra; vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản…nên đã đủ cơ sở xác định trong thời gian từ ngày 20/01/2024 đến ngày 22/3/2024, bị cáo U đã liên tục 05 lần, còn bị cáo D đã 04 lần cùng nhau (tính từ lần 02 trở đi) thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác, cụ thể như sau: *lần 1* là vào khoảng 08 giờ ngày 20/01/2024, chỉ có một mình bị cáo U lấy được 01 chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh-đen, biển số 54P4-2343 của chị Lê Thị X để tại bờ ruộng trên đường L, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân. *Lần 2* là vào khoảng 01 giờ ngày 06/3/2024, cả 02 bị cáo lấy được 01 chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Wave RS, màu đỏ, biển số 67D1-7706 của anh Nguyễn Văn T2 để tại trước phòng trọ-nhà số 13/12, đường L3, phường Tân Tạo, quận Bình Tân. *Lần 3* là vào khoảng 02 giờ ngày 06/3/2024, cả 02 bị cáo lấy được 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G của chị Phan Thị Ngọc H1 để tại nhà số 14/39A, đường Hồ Văn L2, Khu phố 4, phường Tân Tạo, quận Bình Tân. *Lần 4* là vào khoảng 02 giờ ngày 19/3/2024, cả 02 bị cáo lấy được 01 chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 62X1-7094 của anh Trần Văn C2 để tại Bãi xe T10-đối diện nhà số 177C, đường L, Khu phố 7, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân. *Lần 5* là vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 22/3/2024, cả 02 bị cáo lấy được 01 chiếc xe môtô hiệu Ymaha, loại Sirius FI, biển số 83P3-258.75 của anh Tăng Hồ Thanh T6 để tại trước phòng trọ-nhà số B12/22H, Ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh. Theo các kết luận định giá tài sản số: 90/KL-HĐĐGTS, ngày 05/4/2024; 92/KL-H ĐĐGTS, ngày 05/4/2024; 94/KL-HĐĐGTS, ngày 05/4/2024; 102/KL-HĐĐGTS, ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận Bình Tân và Kết luận định giá tài sản số: 1478/KL-HĐĐGTS, ngày 02/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh thì: chiếc xe của chị X trị giá 3.000.000 đồng, chiếc xe của anh T2 trị giá 4.500.000 đồng, 02 chiếc điện thoại di động của chị H1 trị giá 4.400.000 đồng, chiếc xe của anh C2 trị giá 8.500.000 đồng và chiếc xe của anh T6 trị giá 7.350.000 đồng. Như vậy riêng đối với bị cáo U, do đã liên tục 05 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại có tổng trị giá là 27.750.000 đồng tại các mốc thời gian, địa điểm khác nhau với tài sản của mỗi lần đều có trị giá trên 2.000.000 đồng, bản thân lại không có nghề nghiệp và lấy đó làm nguồn thu nhập để sinh sống nên bị cáo U phải chịu tình tiết định khung hình phạt "Có tính chất chuyên nghiệp"; còn bị cáo D chỉ có 04 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá là 24.750.000 đồng. Do đó, các bị cáo U và D đã phạm "Tội trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt đối với bị cáo U theo điểm b khoản 2, còn bị cáo D theo khoản 1 cùng Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên vừa nêu trên là phù hợp nên chấp nhận. Riêng đối với các anh T2 Đình B, Phạm Văn T5, Trần Văn T2, Đỗ Hùng S2, Hoàng Xuân S3, Trịnh Anh T9 và Nguyễn Ngọc M2, tuy có nhận cầm tài sản của

các bị cáo (trong đó, riêng anh Đỗ Hùng S2 là người chuộc lại điện thoại do bị cáo D cầm cho anh T2). Nhưng do các anh đều không ai biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không ai bị xử lý là có căn cứ. Còn đối với tên B3 là bạn của bị cáo U, do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra còn đang tiếp tục truy xét cho đến khi nào phát hiện được sẽ xử lý sau là phù hợp.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: xét các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản là không hững trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Trong vụ án này, các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, sự cấu kết thực hiện tội phạm không chặt chẽ nên không được coi là "Có tổ chức" (trong lần 2, 3,4 và 5). Tuy nhiên, do bị cáo U là người rủ bị cáo D và cả 02 bị cáo đều có nhân thân rất xấu là đã từng 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bị cáo U đã bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện ma túy trong lần thứ hai; riêng bị cáo D đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội với mỗi lần tài sản chiếm đoạt đều có trị giá trên 2.000.000 đồng nên bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên", theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần phải xử các bị cáo với mức án thật nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo được quy định tại các điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì mới có đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì, *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*; do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay cho thấy: các bị cáo đều không ai có nghề nghiệp và điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: xét tại phiên tòa hôm nay, tuy các bị hại là chị Lê Thị X, anh Nguyễn Văn T2, chị Phan Thị Ngọc H1, anh Trần Văn C2 và anh Tăng Hồ Thanh T6 cùng với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T2 Đình B, Phạm Văn T5, Đỗ Hùng S2, Hoàng Xuân S3, Trịnh Anh T9 và Nguyễn Ngọc M2 đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì tất cả các anh chị đều tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên cần ghi nhận.

[7] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A14 5G của chị Phan Thị Ngọc H1; chiếc xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ-đen, biển số 62X1-7094 của anh Trần Văn C2; chiếc xe môtô hiệu Ymaha, loại Sirius FI, biển số 83P3-258.75 của anh Tăng Hồ Thanh T6 thì Cơ quan điều tra đã thu hồi giao trả lại cho chị H1, các anh C2 và Thiện nên không xét. Riêng đối với 01 chiếc xe môtô Honda Wave màu xanh biển số 54P4-2343, tuy là của chị Lê Thị X nhưng do chị X đã làm mất giấy tờ mua bán xe nên chị không yêu trả lại, do đó cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước. Còn đối với 01 chiếc xe Wave RS màu đỏ-đen của anh Nguyễn Văn T2 bị chiếm đoạt; 01 cái điện thoại di động hiệu Masstel của bị cáo U; 01 cái điện thoại OPPO F7, màu đỏ, kiểu máy CPH1825, bộ nhớ 64GB của anh Đỗ Hùng S2 thì đều do không liên quan gì đến vụ án này nên cần giao trả lại cho anh T2, bị cáo U và anh S2. Đối với 01 cái biển số 63T1-1294 (đang gắn theo chiếc xe Wave RS màu đỏ-đen trên) và 01 cái biển số 62L1-227.25 đều là giả nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[8] Các bị cáo Trần Văn U và Lưu Hoàng D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ điều luật và xử phạt:

1.1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn U 04 (bốn) năm tù về "Tội trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 04-11-2024.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58 và 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lưu Hoàng D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 26-8-2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện của các bị hại là chị Lê Thị X, anh Nguyễn Văn T2, chị Phan Thị Ngọc H1, anh Trần Văn C2 và anh Tăng Hồ Thanh T6 cùng với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T2 Đình B, Phạm Văn T5, Đỗ Hùng S2, Hoàng Xuân S3, Trịnh Anh T9 và Nguyễn Ngọc M2 đều không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì đối với các bị cáo Trần Văn U và Lưu Hoàng D.

3. Về vật chứng: căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe môtô Honda Wave màu xanh biển số 54P4-2343.

- Giao trả lại gồm: anh Nguyễn Văn T2 01 chiếc xe Wave RS màu đỏ-đen; bị cáo Trần Văn U 01 cái điện thoại di động hiệu Masstel; anh Đỗ Hùng S2 01 cái điện thoại OPPO F7, màu đỏ, kiểu máy CPH1825, bộ nhớ 64GB.

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 cái biển số 63T1-1294 (đang gắn theo chiếc xe Wave RS màu đỏ-đen trên) và 01 cái biển số 62L1-227.25.

Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Thành phố Hồ Chí Minh) đang tạm giữ theo Phiếu nhập kho số: NK25/134TV, ngày 17/01/2025.

4. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Trần Văn U và Lưu Hoàng D mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào các điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Trần Văn U và Lưu Hoàng D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại chị Lê Thị X, anh Nguyễn Văn T2, chị Phan Thị Ngọc H1, anh Trần Văn C2 và anh Tăng Hồ Thanh T6 cùng với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T2 Đình B, Phạm Văn T5, Đỗ Hùng S2, Hoàng Xuân S3, Trịnh Anh T9 và Nguyễn Ngọc M2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Phòng HSNV (PV 06)-CATP.HCM;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- CQCSĐT-CATP.HCM;
- Trại TG Chí Hòa (KV Bình Tân)-CATP.HCM (nếu có);
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Bộ phận THAHS-TANDKV9-TP.HCM;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác (nếu có);
- Lưu hs,Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Ái